

DANH SÁCH CÁC CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:
MỞ MỐI TUYẾN ĐƯỜNG TỪ TÀ DUNG VÀO KHU SẢN XUẤT CHỖ TÍNH 3, XÃ TẢ PHÌN.

(Kèm theo Thông báo số 432 /TB-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Sính Phình)

Đơn vị tính: m2

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thu hồi của thửa đất	Loại đất		Ghi chú
							Đất giao thông (DGT)	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK)	
1	Giàng A Chu, Cừ Thị Dàng	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	29	11.6		11.6	
2	Giàng A Khua, Ly Thị Sê	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	34	4.5		4.5	
3	Giàng A Su, Mùa Thị Mang	Thôn Háng Sung II	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	26	545.3		545.3	
4	Giàng A Súa, Thào Thị Danh	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	8	42.3		42.3	
5	Giàng A Tăng, Thào Thị Mây	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	32	107.8		107.8	
					38	96.7		96.7	
6	Giàng A Thào, Thào Thị Là	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	5	1.0		1.0	
					6	11.4		11.4	
					12	242.4		242.4	
					13	169.3		169.3	
					19	44.2		44.2	
					20	130.6		130.6	
					28	27.9		27.9	
7	Giàng A Thào, Vàng Thị Cha	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	14	67.3		67.3	
8	Giàng A Tùng, Mùa Thị Sang	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	41	76.9		76.9	
					1	111.5		111.5	
9	Giàng A Vàng, Vàng Thị Chừ	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	3	317.5		317.5	
					4	205.2		205.2	
					15	898.5		898.5	
					2	413.3		413.3	
10	Mùa A Chang, Thào Thị Kia	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	43	1007.5		1007.5	
					42	92.5		92.5	
					44	226.3		226.3	
					47	170.3		170.3	
11	Mùa A Cờ, Thào Thị Mây	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	46	25.2		25.2	
					9	5.8		5.8	
12	Mùa A Lữ, Thào Thị Chu	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	11	189.8		189.8	
					18	226.2		226.2	
13	Mùa A Páo, Giàng Thị Tàng	Thôn Háng Sung II	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	7	168.3		168.3	

14	Mùa A Xứ, Chang Thị Mày	Thôn Háng Sung II	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	33	0.5		0.5	
					39	180.5		180.5	
					40	25.2		25.2	
15	Sùng A Trừ, Giàng Thị Chính	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	35	4.8		4.8	
16	Sùng A Lòng, Chang Thị Kia	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	37	31.2		31.2	
17	Thào A Chư, Chang Thị Xua	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	24	984.1		984.1	
18	Thào A Kỹ, Giàng Thị Mang	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	16	68.9		68.9	
					25	134.9		134.9	
19	Thào A Sang, Lý Thị Lý	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	17	0.4		0.4	
					21	6.8		6.8	
20	Thào A Vảng, Vì Thị Thái	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	30	15.5		15.5	
21	Thào A Xề, Chang Thị Cha	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	27	234.4		234.4	
					31	133.8		133.8	
					45	23.9		23.9	
22	Vàng A Páo, Giàng Thị Sáu	Thôn Háng Sung I	Thôn Háng Sung I	Mảnh trích đo, chỉnh lý bản đồ địa chính số 01 -2025	10	315.7		315.7	
Tổng						7797.7	0.0	7797.7	